TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2022
V/v " Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hoà
2. Ông Lại Văn Phê

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1960, (có mặt);
- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Q, sinh năm: 1963, (có mặt);
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Chị Nguyễn Thị Quế T2, sinh năm: 1983, (có mặt);

2/ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1968, (có mặt);

3/ Bà Bùi D , sinh năm 1969, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp SL, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ông T tạm trú: Khu phố F, thị trấn DT, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-3-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Bùi Thị Q đã ly hôn ngày 25-02-2020, trong đó về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nay ông yêu cầu bà Q phải chia đôi tài sản chung của ông bà gồm:

01 căn nhà tường, mái tol, nền gạch men, ngang 05m, dài 20m và công trình phụ gồm mái che trước nhà, cổng rào gắn liền trên đất diện tích ngang 06m, dài 40m, toạ lạc tại ấp SL, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ông không yêu

cầu chia đất gắn liền với nhà. Tiền cạo mủ cao su 02 năm 2020, 2021, mỗi năm đã trừ chi phí hết còn 40.000.000 đồng, 02 năm là 80.000.000 đồng, ông yêu cầu chia đôi là 40.000.000 đồng. Ông có nhu cầu nhận căn nhà thanh toán tiền lại cho bà Q. Số tài sản trong đơn kiện là đất trồng cao su và cây cao su trên đất ông không yêu cầu giải quyết. Số tài sản trên hiện bà Q đang quản lý. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định đất tranh chấp thì ông đồng ý, không có ý kiến, còn việc định giá lại tài sản tranh chấp là căn nhà thì quá thấp, nhưng ông không yêu cầu định giá lại.

Tại bản tự khai ngày 05-4-2021 và qua làm việc bị đơn bà Bùi Thị Q trình bày: Bà và ông T đã ly hôn ngày 25-02-2020, trong đó về tài sản chung ông bà không yêu cầu giải quyết. Nay ông T yêu cầu chia tài sản chung thì bà đồng ý chia đôi căn nhà diện tích ngang 05m, dài 20m và cổng rào, mặc dù cổng rào bà tự làm năm 2015, thời gian vợ chồng đã sống ly thân, nhưng ông T hay bỏ nhà đi. Còn làm mái che là do con gái là Nguyễn Thị Quế T2 làm, nên mái che không phải là tài sản sản chung của bà và ông T, nên bà không đồng ý chia. Còn tiền cạo mủ là từ năm 2019 ông T yêu cầu bà đồng ý ly hôn thì nhà bà ở, cao su bà cạo mủ tiền chia hai, nên bà đồng ý ly hôn, sau đó ông T đòi chia căn nhà và đất trồng cao su, bà không đồng ý chia, thì ông T không cho bà cạo mủ nên bà bỏ không cạo mủ từ năm 2019. Năm 2020 con gái là Quế T2 mới đi cạo mủ, nhưng do mưa gió, cây không ai chăm sóc, kêu công không được nên cạo cũng không được bao nhiêu tiền. Còn năm 2021 thì dịch bệnh kêu công không được nên cũng không cạo được bao nhiêu cả, mà chỉ cạo được đám cao su nhỏ thôi, còn cao su lớn thì cao quá nên không cạo được, tiền bán mủ là do T2 quản lý bà không biết. Do đó bà không đồng ý chia tiền cạo mủ cao su. Bà có nhu cầu lấy căn nhà, thanh toán tiền lại cho ông T, lý do đất xây nhà là của cha mẹ bà cho, hiện ba chị em bà đang ở trên đất dính liền nhau, giấy đất do em rể bà ông Nguyễn Văn X đứng tên. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác. Tại toà bà đồng ý chia đôi máy che.

Về kết quả khảo sát, đo đạc, thẩm định đất tranh chấp và việc định giá lại tài sản tranh chấp thì bà đồng ý, không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Quế T2 trình bày: Chị không đồng ý chia tiền cạo mủ cao su, lý do cha mẹ chị bỏ không ai cạo mủ cao su, nên tháng 9 năm 2020 chị mới kêu công đến dọn cỏ, bón phân để cạo phần cao su nhỏ, còn cao su lớn là không cạo được do cây cao quá không người nối dây nên công không làm, cao su nhỏ khoảng 300 cây, có khi 2, 3 ngày mới cạo 01 ngày, nếu mưa là không cạo được, bán trừ chi phí mỗi tháng còn khoảng 2.000.000 đồng, năm 2020 chị cạo 04 tháng được 8.000.000 đồng, trừ tiền bón diêm và làm cỏ hết 2.800.000 đồng, nên còn lại 5.200.000 đồng. Năm 2021 do không có công làm nên tháng 6 chị mới cạo được 01 tháng thì nghỉ dịch bệnh hết 3 tháng đến tháng 10, 11, 12 chị cạo lại, mỗi ngày bán trừ chi phí ra còn khoảng 300.000 đồng, 01 tháng cạo khoảng 10 ngày số tiền 3.000.000 đồng, cạo được 04 tháng là 12.000.000 đồng, nhưng tiền bón diêm hết 3.500.000 đồng, nên còn lại 8.500.000 đồng, cộng hai năm 2020, 2021 chị còn số tiền là 13.700.000 đồng. Tại phiên toà chị thừa nhận tiền mủ cao su là khoảng 20.000.000 đồng. Tiền máy che là của chị

bỏ ra làm từ năm 2015, giá 11.000.000 đồng, nên máy che không phải là tài sản chung của cha mẹ chị. Nay chị không đồng ý chia số tiền cạo mủ của năm 2020, 2021 và tiền máy che. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về kết quả Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản chị đồng ý không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X trình bày: Ông là em rể của bà Q, là anh em bạn rể với ông T. Đất của ông, bà Q xây nhà có nguồn gốc là của cha mẹ vợ ông cho từ năm 1990 là thửa 48, tờ bản đồ số 53 (BĐ 2005). Năm 1992 ông có nhận chuyển nhượng một phần thửa 45, tờ bản đồ số 53, theo bản đồ 299 là thửa 1015, tờ bản đồ K7. Năm 1993 do vợ ông là con út, sống cùng cha mẹ, nên cha mẹ vợ giao cho ông đi kê khai đứng tên giấy đất luôn. Nay ông đồng ý cho bà Q tiếp tục ở trên đất, còn ông T thì ông không đồng ý. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi D trình bày: Bà là vợ của ông X, là em gái của bà Q, còn ông T là anh rể. Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu ông X. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông T đối với bà Q. Chia tài sản chung theo quy định của pháp luật cho ông T, bà Q gồm: căn nhà tường cấp 4, nền gạch men máy tole, ngang 05m, dài 20m và công trình phụ như: cổng rào, máy che tại ấp SL, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được xây dựng trên đất do ông Nguyễn Văn X là em rể bà Q đứng tên giấy đất. Không chấp nhận yêu cầu của ông T với bà Q chia tiền thu lợi mủ cao su. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với đất diện tích 9.805m^2, thửa 143, 105, tờ bản đồ 44 tại Sóc Lào, Đôn Thuận, Trảng Bàng. Ông T được miễn tiền án phí, bà Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông T có đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, nên Toà án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Ông T, bà Q thống nhất chia đôi tài sản chung là căn nhà, cổng rào, máy che. Xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.1] Ông T yêu cầu chia tiền bán mủ cao su 02 năm là 80.000.000 đồng. Bà Q không đồng ý chia tiền bán mủ cao su, do ông T ngăn cản không cho cạo mủ nên bà bỏ không cạo, thì T2 con gái bà cạo mủ không có bao nhiêu tiền.

[2.2] Xét yêu cầu chia tiền cạo mủ cao su của ông T thấy rằng: Qua thu thập chứng cứ, xác minh thể hiện: Cây cao su của ông T, bà Q thì bà Q không khai thác

mủ từ năm 2020, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T đối với bà Q về chia tiền khai thác mủ cao su. Thực tế do chị T2 thuê công khai thác mủ từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2020 là 04 tháng, năm 2021 khai thác mủ được 05 tháng, trung bình 01 ha đất trồng cao su khai thác mủ bán mỗi ngày khoảng 550.000 đồng, trừ chi phí còn lại khoảng 150.000 đồng đến 200.000 đồng, 01 tháng khai thác mủ khoảng 10 ngày đến 14 ngày nếu không mưa, thu nhập mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Như vậy tương đối trùng khớp với lời trình bày của chị T2 là tiền khai thác mủ năm 2021 mỗi tháng trừ chi phí còn 1.500.000 đồng khai thác mủ 05 tháng là 7.500.000 đồng. Năm 2021 mỗi tháng trừ chi phí còn 2.000.000 đồng khai thác 05 tháng là 10.000.000 đồng, cộng hai năm là 17.500.000 đồng. Tại toà chị T2 thừa nhận tiền khai thác mủ cao su 02 năm là khoảng 20.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T không yêu cầu chị T2 chia tiền khai thác mủ cao su nên không xem xét.

[2.3] Qua thẩm định và định giá tài sản tranh chấp thể hiện:

- 01 căn nhà tường cấp 4, nền gạch men, mái tole, diện tích 5m x 20m, trị giá 96.900.000 đồng;

- 01 máy che trước, lợp tole, nền gạch, diện tích 11,5m x 05m, trị giá 11.454.000 đồng;

- 01 trụ cổng rào, cửa sắt, trị giá 8.020.800 đồng.

Tổng cộng nhà và công trình phụ gắn liền trên đất trị giá 116.374.800 đồng, chia đôi mỗi người được 58.187.400 đồng là phù hợp.

[2.4] Xét yêu cầu nhận tài sản là căn nhà của ông T thấy rằng: Căn nhà được xây dựng trên đất có nguồn gốc của cha mẹ bà Q cho, ông bà cũng đã quản lý sử dụng từ năm 1982 cho đến nay. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn X là em rể của bà Q đứng tên. Đồng thời hiện ông T đã bỏ nhà đi sống ở Khu phố 7, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương từ năm 2020 khi ly hôn với bà Q cho đến nay, còn bà Q đang sinh sống tại căn nhà này, ngoài căn nhà này ra bà Q cũng không còn nơi nào khác để ở. Do đó cần giao căn nhà và công trình phụ gắn liền với căn nhà tất cả trị giá 116.374.800 đồng, bà Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền chia tài sản chung là 58.187.400 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.5] Đối với căn nhà giao cho bà Q được sở hữu hiện xây trên đất do ông X, bà D đứng tên giấy đất, nhưng ông X, bà D không tranh chấp nên không xem xét.

[2.6] Đình chỉ yêu cầu chia đất diện tích 9.805m^2, thửa 143, 105, tờ bản đồ 44 tại ấp SL, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và cây cao su trên đất của ông Nguyễn Văn T đối với bà Bùi Thị Q.

[2.7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định và định giá tài sản số tiền 5.000.000 đồng, chia hai ông T bà Q mỗi người chịu 2.500.000 đồng. Ghi nhận ông T đã nộp 5.000.000 đồng, nên số tiền bà Q nộp sẽ hoàn trả lại cho ông T.

[4] *Về án phí:* Ông T được miễn tiền án phí chia tài sản. Bà Q phải chịu tiền án phí chia tài sản là 2.909.400 đồng, theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ

luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27; của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Bùi Thị Q.

Giao cho bà Bùi Thị Q được quyền sở hữu 01 căn nhà tường cấp 4, nền gạch men, mái tole, diện tích 5m x 20m, xây trên đất do ông Nguyễn Văn X đứng tên, tọa lạc tại ấp SL, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, trị giá 96.900.000 đồng; 01 máy che trước, lợp tole, nền gạch, diện tích 11,5m x 05m, trị giá 11.454.000 đồng; 01 trụ cổng rào, cửa sắt, trị giá 8.020.800 đồng. Tất cả trị giá 116.374.800 đồng. Số tài sản trên hiện bà Q đang quản lý. Bà Bùi Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền chia tài sản chung là 58.187.400 (*Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm*) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia tiền khai thác mủ cao su của ông T đối với bà Q.

3. Đình chỉ yêu cầu chia đất diện tích 9.805m^2, thửa 143, 105, tờ bản đồ 44, tại ấp SL, xã ĐT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và cây cao su trên đất của ông Nguyễn Văn T đối với bà Bùi Thị Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí chia tài sản. Bà Bùi Thị Q phải chịu 2.909.400 (*Hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn bốn trăm*) đồng tiền án phí chia tài sản, theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27; của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. *Về chi phí tố tụng*: Ông T và bà Q mỗi người chịu 2.500.000 đồng. Ghi nhận ông T đã nộp 5.000.000 đồng, nên số tiền bà Q nộp sẽ hoàn trả lại cho ông T.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**